

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 230/2018/HSPT

Ngày 18 - 7 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán:

1. Ông Doãn Đình Quyền.

2. Ông Hoàng Kim Khánh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07/3/2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 180/2018/HSPT ngày 04/6/2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn M và 03 bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HSST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Nguyễn Văn M (tên gọi khác M1, M2); sinh năm 1964, tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: T6, xã TH, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Kiều Thị X (đã chết). Có vợ là Đào Thị L, sinh năm 1971 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: 01 tiền án về tội “Đánh bạc” bị Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày 19/11/2015 theo Bản án số: 47/2015/HSST ngày 19/11/2015; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2017 đến

ngày 21/8/2017 thì được áp dụng cho bảo lãnh số 22 ngày 21/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Trịnh Trọng Đ (Tên gọi khác: T); Sinh năm 1990, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 1, xã TH, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Trịnh Đình H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị N, sinh 1964; Tiền án: 02 tiền án, tại Bản án số 26/2011/HSST ngày 26/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn tuyên phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và Bản án số 274/2013/HSST ngày 24/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2017 đến ngày 11/9/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Quyết định cho bảo lãnh số 34 ngày 19/11/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Buôn Đôn, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Thế M3 (Tên gọi khác: B1, B2); Sinh năm 1985, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: T5, xã CK, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1, sinh 1957; bị cáo có vợ là Đỗ Thị M3 Ph, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: 01 tiền án, tại Bản án số 40/2015/HSPT ngày 30/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” đến tháng 8 năm 2015 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/5/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Đánh bạc” theo bản án 47/2007/HSST. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2017 đến ngày 21/8/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Quyết định cho bảo lãnh số 24 ngày 21/8/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Buôn Đôn, có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Văn H; Sinh năm 1989, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 2, xã TH, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn M4, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị T2, sinh 1968; bị cáo có vợ là Phạm Thị Thu M5, sinh năm 1998 và có con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/3/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo bản án 03/2009/HSST; ngày 09/7/2012 bị Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở giáo

dục, thời hạn 24 tháng về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo Quyết định số 1472/QĐ-UB, đến ngày 10/7/2014 đã chấp hành xong. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 76 ngày 04/7/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Buôn Đôn, vắng mặt tại phiên tòa.

Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị:

Huỳnh Quang H2; (Tên gọi khác: K); sinh năm 1992 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: T2, xã TH, huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Thợ sơn; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Bửu C - Sinh năm 1968 và con bà Nguyễn Thị Thu Th - Sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/12/2012 bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 05 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, về tội “Đánh bạc”, theo bản án số 135/2012/HSST. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 77 ngày 04/7/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có 10 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M nắm bắt được nhu cầu của một số đối tượng muốn đánh bạc sát phạt lẫn nhau bằng tiền nên đã đứng ra tổ chức việc tìm và tạo dựng địa điểm, sau đó liên hệ các con bạc tới địa điểm để thực hiện hành vi đánh bạc nhằm mục đích thu lợi bất chính. Để thực hiện ý định trên, M thuê cháu ruột của mình là Trịnh Trọng Đ làm nhiệm vụ chuẩn bị địa điểm đánh bạc và cảnh giới; M bảo Huỳnh Quang H2 mua nước uống, thuốc lá phục vụ người đánh bạc tại sòng. Trước khi tổ chức sòng bạc lần đầu tiên, M đưa tiền cho Đ đi mua 02 tấm bạt Ny-lon, dây dù và một số ghế nhựa để làm chỗ ngồi, che nắng cho địa điểm đánh bạc, bản thân M tự chuẩn bị các công cụ khác là chén, đĩa, bài Tây để làm con vị và bàn cược Xen-ko để phục vụ việc đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa.

Mỗi người tham gia đánh bạc phải nộp cho M số tiền 150.000đ tiền phí tổ chức. Sau khi hoạt động đánh bạc bắt đầu diễn ra thì M đưa tiền cho Huỳnh Quang H2 đi mua nước uống, thuốc lá mang vào sòng bạc để phục vụ người tham gia đánh bạc, M còn cho người khác vay tiền để đánh bạc. Mỗi lần tổ chức đánh bạc, M trả công cho Đ

số tiền 200.000đ, Huỳnh Quang H2 không được trả tiền công mà thu lợi do người tham gia đánh bạc thưởng khi phục vụ nước uống, thuốc lá. Sòng bạc này hoạt động lưu động; thời gian và địa điểm tổ chức mỗi lần đánh bạc không theo quy luật, do M tự lựa chọn thời gian và địa điểm tổ chức.

Sáng ngày 29/5/2017, M gặp Nguyễn Thị H3; Cao Xuân H4; Phạm Văn H và Cao Xuân H4; M gợi ý và rủ số người này đi tham gia đánh bạc tại sòng bạc do M tổ chức, được số người này đồng ý. M thông báo cho Trịnh Trọng Đ chuẩn bị địa điểm đánh bạc. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Đ mang bạt, ghé đến khu rẫy trồng cà phê của gia đình ông Vũ Xuân L1, thuộc T3, xã TH, huyện BD để chuẩn bị địa điểm làm sòng bạc, sau đó Đ ra ngã ba đường dẫn vào sòng bạc, mắc võng ngồi để canh giới và chỉ đường cho người vào sòng bạc; tiếp đó M mang bộ công cụ đánh bạc đi cùng một số người khác đến địa điểm đánh bạc.

Khoảng 14 giờ 30 ngày 29/5/2017, M đã đưa các con bạc đến địa điểm đánh bạc mà Đ đã chuẩn bị trước đó để các con bạc thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa” được thua bằng tiền, các dụng cụ để đánh “xóc đĩa” do M cung cấp. Phạm Văn H sử dụng bộ công cụ để xóc các con vị, sau đó đến Bùi Thế M3 xóc cho người khác đặt tiền cược đánh bạc, mỗi ván đặt cược thấp nhất 100.000đ, cao nhất là 2.000.000đ, tổng số tiền cược trong mỗi ván bạc trung bình khoảng 5.000.000đ; M thu tiền tiền xâu của những người trực tiếp đánh bạc, sau đó M đưa cho Huỳnh Quang H2 số tiền 300.000đ để H2 đi mua nước uống, thuốc lá mang đến sòng bạc để phục vụ người đánh bạc. Những người trực tiếp có mặt tại sòng bạc trên vào ngày 29/5/2017 khi hoạt động đánh bạc đang diễn ra gồm: Nguyễn Văn M; Huỳnh Quang H2; Cao Xuân H4; Lê Văn T1; Dương Văn Đ2; Triệu Đào T2; Phạm Văn H; Triệu Văn H5; Hoàng Văn H6; Huỳnh Văn D; Trịnh Công S; Lý Tà K; Lê Văn Dị; Bùi Thế M3; Nguyễn Thị H3; Cao Xuân H4; Nguyễn Thế Đ3; Vũ Tuấn A và một người tên Tr (hoặc Ch) là bạn của Triệu Văn H5 hiện chưa xác định được lai lịch.

Triệu Đào T2 do hết tiền nên có vay của M số tiền 3.000.000đ để tiếp tục đánh bạc, M thu của T2 150.000đ tiền lãi và đưa cho T2 2.850.000đ để T2 tiếp tục đánh bạc.

Đến 15 giờ 30 cùng ngày, khi các con bạc đang sát phạt với nhau thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang. Các đối tượng bị bắt giữ gồm: Trịnh Trọng Đ, Cao Xuân H4, Vũ Tuấn A, Lê Văn T1, Dương Văn Đ2, Triệu Đào T2 và Nguyễn Thị H3, các đối tượng còn lại đã chạy trốn khỏi hiện trường.

Vật chứng vụ án đã thu giữ trên chiếu bạc khi bắt quả tang gồm: Thu giữ trên chiếu bạc 9.100.000đ; 15 ghế nhựa, 02 bạt ni-lon màu xanh - cam kích thước mỗi tấm

(4x8)m; 01 đĩa; 01 chén; 04 con vị; 01 bàn cược xen-ko kích thước (30x30)cm và 01 thùng đựng nước đá. Tạm giữ trên người Triệu Đào T2 số tiền 3.150.000đ, tạm giữ trên người Lê Văn T1 số tiền 3.900.000đ.

Ngoài ra còn tạm giữ 11 xe máy các loại có đặc điểm:

1. Xe nhãn hiệu HAVICO, BKS: 47K4-1494.
2. Xe nhãn hiệu HONDA-AIR BLADE, BKS: 47B1-511.39.
3. Xe nhãn hiệu HONDA, BKS: 47S1-000.86.
4. Xe nhãn hiệu WAVINA, BKS: 47N6-0294.
5. Xe nhãn hiệu ROONEY, BKS: 47L1-2722.
6. Xe nhãn hiệu HONDA - AIR BLADE, BKS: 47L1-138.09.
7. Xe nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 47M5-3440.
8. Xe nhãn hiệu YAMAHA - SIRIUS, BKS: 47S1-111.73.
9. Xe nhãn hiệu YAMAHA - JUPITER, BKS: 47B1-049.52.
10. Xe nhãn hiệu ZONGSHEN, BKS: 47H2-1428.
11. Xe nhãn hiệu HONDA - AIR BLADE, BKS: 47S1-075.39.

Quá trình điều tra xác định số tiền 3.150.000đ tạm giữ trên người Triệu Đào T2 và 3.900.000đ tạm giữ trên người Lê Văn T1 là tiền T2 và Toại sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn M, Huỳnh Quang H2 và Trịnh Trọng Đ khai nhận vào khoảng đầu tháng 5/2017 đến khi bị bắt. M, H2 và Đ đã tổ chức cho người khác đánh bạc khoảng 10 lần và có thu lợi từ việc tổ chức đánh bạc.

Ngày 20/10/2017, bị cáo Nguyễn Văn M đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.000.000đ là một phần trong tổng số tiền thu lợi bất chính từ việc thu phí tổ chức đánh bạc trong các lần tổ chức sòng bạc (tổng số tiền thu lợi các lần tổ chức theo bị cáo kê khai là 6.650.000đ)

Ngày 01/8/2017, bị cáo Huỳnh Quang H2 đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.150.000đ là tiền bị cáo thu lợi bất chính trong những lần giúp việc tổ chức sòng bạc, kể cả tiền thu lợi trong ngày 29/5/2017.

Ngày 12/10/2017, bị cáo Trịnh Trọng Đ đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000đ là tiền công bị cáo nhận được từ việc tham gia tổ chức sòng bạc khoảng 10 lần trước đó.

Về các xe máy tạm giữ tại sòng bạc, quá trình điều tra đã xác định:

- Xe máy BKS 47K4-1494 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp bị cáo Dương Văn Đ2; xe máy BKS 47S1-000.86 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Dương Xuân Đ4; xe máy BKS 47N6-0294 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Triệu Đào T2; xe máy BKS 47L1-2722 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Hoàng Văn H6; xe máy BKS 47L1-138.09 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thế Đ3; xe máy BKS 47M5-3440 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Tuyền Thị Ph1; xe máy BKS 47S1-111.73 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Lý Tạ K; xe máy BKS 47B1-049.52 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Tiến Đ5; xe máy BKS 47H2 -1428 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim Ng; xe máy BKS 47S1-075.39 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp chung của bị cáo Nguyễn Văn M và vợ là bà Đào Thị L.

Xét thấy 10 chiếc xe máy trên đều có nguồn gốc và chủ sở hữu rõ ràng; các bị cáo và những người có mặt tại sòng bạc sử dụng các xe máy làm phương tiện đi lại chứ không sử dụng vào mục đích thực hiện tội phạm, không có liên quan đến hoạt động đánh bạc, riêng bị cáo Huỳnh Quang H2 sử dụng xe máy BKS 47H2-1428 chở nước phục vụ sòng bạc nhưng hành vi này của bị cáo không được sự đồng ý của chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị Kim Ng. Nên ngày 30/8/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Buôn Đôn đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 29, trả lại 09 chiếc xe máy trên cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Ngày 24/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn đã ra Quyết định trả lại vật chứng số 02, trả lại chiếc xe mô tô BKS 47S1-075.39 cho bị cáo Nguyễn Văn M và chị Đào Thị L, vì xe không phải chuyên dùng để thực hiện tội phạm.

Về chiếc xe máy còn lại, quá trình điều tra xác định:

Xe máy BKS 47B1-511.39 là phương tiện đối tượng tên Tr (hoặc Ch) sử dụng chở bị cáo Triệu Văn H5 đi tới sòng bạc ngày 29/5/2017; qua kiểm tra thực tế xác định chiếc xe bị tạm giữ có đặc điểm: Nhãn hiệu HONDA-Air Blade, màu sơn đen - xám, số máy JF46E118670; số khung: 4608DY101084, trên xe gắn biển kiểm soát 47B1-511.39.

Kết quả tra cứu về biển kiểm soát 47B1-511.39 xác định: Xe mang BKS 47B1-511.39 do ông Nguyễn Đình H7, trú tại 16 CT, phường TA, thành phố BMT đứng tên đăng ký chủ sở hữu; nhãn hiệu SYM - SHARK; màu sơn vàng - nâu; số máy:

BAD016880; số khung: DAD016880. Do ông Nguyễn Đình H7 vắng mặt khỏi nơi cư trú nên cơ quan điều tra chưa làm việc được.

Kết quả tra cứu về xe mang số máy: JF46E118670, số khung: 4608DY101084 xác định: xe mang BKS 47B1-670.42; nhãn hiệu HONDA - Air Blade, màu sơn đen - xám; số máy JF46E118670; số khung: 4608DY101084. Chiếc xe này do ông Nguyễn Văn H8, trú 113/110/2 GP, phường TT, thành phố BMT đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Quá trình làm việc với ông H8 xác định: Khoảng 08 giờ ngày 11/5/2017 ông H8 để chiếc xe trên ở lề đường phía trước số nhà 82/7 MHĐ, phường TT, thành phố BMT và quên rút chìa khoá, sau đó đã bị trộm cắp chiếc xe này. Vụ việc đã được ông H8 trình báo với Công an phường TT và Công an thành phố BMT. Cơ quan CSĐT Công an huyện Buôn Đôn đã xác minh tại Công an phường TT và xác định lời khai của ông Nguyễn Văn H8 là đúng sự thật. Xét thấy, vụ việc ông Nguyễn Văn H8 bị trộm cắp xe như đã nêu trên xảy ra tại địa bàn thành phố BMT, thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Buôn Ma Thuột; Cơ quan CSĐT Công an huyện Buôn Đôn đã có văn bản thông báo cho Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Buôn Ma Thuột biết, đồng thời tách xe máy có số máy JF46E118670; số khung: 4608DY101084 cùng tấm biển số xe 47B1 - 511.39 là đồ vật có liên quan ra khỏi vụ án để bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Buôn Ma Thuột tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra, truy tố những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã nhận lại tài sản và không có ý kiến hoặc yêu cầu gì

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HSST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn M; Huỳnh Quang H2 và Trịnh Trọng Đ, phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Cao Xuân H4 và Triệu Văn H5; Bùi Thế M3; Vũ Tuấn A; Lê Văn T1; Dương Văn Đ2; Triệu Đào T2; Nguyễn Thị H3; Phạm Văn H; Cao Xuân H4; Nguyễn Thế Đ3 và Hoàng Văn H6 đã phạm phạm tội: “Đánh bạc”.

1. Áp dụng điểm c, khoản 2 khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Trịnh Trọng Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2017 đến ngày 11/9/2017.

Phạt bổ sung: 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), sung công quỹ nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 20/7/2017 đến ngày 21/8/2017.

Phạt bổ sung: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), sung công quỹ nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Bùi Thế M3 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 24/6/2017 đến ngày 21/8/2017.

Phạt bổ sung: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), sung công quỹ nhà nước.

4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 09 (chín) tháng tù, Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Phạt bổ sung: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), sung công quỹ nhà nước.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 30; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quang H2 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Cao Xuân H4 và Triệu Văn H5; Vũ Tuấn A; Lê Văn T1; Dương Văn Đ2; Triệu Đào T2; Nguyễn Thị H3; Cao Xuân H4; Nguyễn Thế Đ3 và Hoàng Văn H6, quyết định về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo, và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2018, ngày 26/4/2018, các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M3 có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được giảm nhẹ hình phạt và giảm số tiền hình phạt bổ sung.

Ngày 14/5/2018 bị cáo Trịnh Trọng Đ có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Ngày 04/5/2018, bị cáo Phạm Văn H có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan và cho rằng: Tại thời điểm Công an bắt quả tang thì bị cáo đã chơi hết 800.000đ, đây cũng là toàn bộ số tiền bị cáo mang đi và sử dụng vào mục đích đánh bạc vì vậy bị cáo không bị truy cứu trách nhiệm hình sự vì chưa đủ 5.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Thế M3 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thế M3 đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát luận tội và tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn M theo khoản 1, 3 Điều 249 BLHS năm 1999, Trịnh Trọng Đ về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 2, 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 và các bị cáo Phạm Văn H, Bùi Thế M3 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc các bị cáo Nguyễn Văn M, Trịnh Trọng Đ và Huỳnh Quang H2 tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính do việc phạm tội mà có là số tiền cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước chứ không phải số tiền dùng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra nhưng cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 cho các bị cáo trên là không chính xác. Ngoài ra, người nhà bị cáo Bùi Thế M3 là người có công với cách mạng nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 BLHS là thiếu sót cần khắc phục.

Xét mức hình phạt chính và hình phạt bổ sung mà cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn M, Trịnh Trọng Đ, Bùi Thế M3 là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo M, Đ và M3.

Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Văn H thấy rằng, bị cáo Hùng là người tham gia tích cực cho hành vi đánh bạc vào ngày 29/5/2017, mặc dù bị cáo Hùng chỉ mang theo 800.000đ để tham gia đánh bạc nhưng số tiền tiền thu được tại chiếu bạc vào thời điểm bắt quả tang là 9.100.000đ nên đã đủ điều kiện để truy tố trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hùng.

Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm về tội danh, hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo Bùi Thế M3 không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị HĐXX giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo M3 nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù và hình phạt bổ sung cho bị cáo để bị cáo sớm hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn H có đơn xin hoãn phiên tòa, các bị cáo M, Đ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt các bị cáo H, M và Đ là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 BLHS năm 2015.

[2] Lời khai của bị cáo Bùi Thế M3 tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận vào khoảng 14 giờ 30 ngày 29/5/2017, Nguyễn Văn M đã đưa các con bạc đến địa điểm đánh bạc “Xóc đĩa” do Nguyễn Văn M; Trịnh Trọng Đ và Huỳnh Quang H2 tổ chức tại rẫy cà phê của ông Vũ Xuân L1 ở T3, xã TH, huyện BD, đến 15 giờ 30 cùng ngày thì bị Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang, thu giữ tại chiều bạc số tiền là: 9.100.000 đồng. Tạm giữ trên người Triệu Đào T2 số tiền 3.150.000 đồng, tạm giữ trên người Lê Văn T1 số tiền 3.900.000 đồng là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn M và Trịnh Trọng Đ về tội “Tổ chức đánh bạc” và bị cáo Bùi Thế M3 về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và hình phạt bổ sung của bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M3 và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trịnh Trọng Đ thấy rằng: Tất cả các bị cáo trên đều có nhân thân xấu, bị cáo Đ có 02 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” bị cáo M và M3 đều có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học rèn luyện bản thân để sống có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo kém, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Khi quyết định hình phạt cho các bị cáo cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 46 cho các bị cáo Huỳnh Quang H2, Nguyễn Văn M và Trịnh Trọng Đ là không chính xác và đã có lợi cho các bị cáo, vì khách thể của tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc” là trật tự xã hội và do số tiền thu lợi bất chính do việc phạm tội mà có là số tiền cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước chứ không phải số tiền dùng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Riêng bị cáo M3 có người nhà là người có công với cách mạng nên bị cáo M3 còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng, cần áp dụng bổ sung cho bị cáo M3. Xét mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù, hình phạt bổ sung 7.000.000đ sung công quỹ nhà nước đối với

bị cáo Trịnh Trọng Đ về tội “Tổ chức đánh bạc”; mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù, hình phạt bổ sung 10.000.000đ sung công quỹ nhà nước về tội “Tổ chức đánh bạc” đối với bị cáo Nguyễn Văn M; mức hình phạt 09 tháng tù, hình phạt bổ sung 5.000.000 sung công quỹ nhà nước về tội “Đánh bạc” đối với bị cáo Bùi Thế M3 và 15.000.000đ đối với bị cáo Huỳnh Quang H2 là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[4] Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Văn H cho rằng bị cáo không phạm tội và bị oan, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ: Bị cáo H cho rằng bị cáo chỉ mang theo 800.000đ khi đi tham gia đánh bạc và bị cáo đã sử dụng hết số tiền trên để đánh bạc trước khi bị Công an đến bắt quả tang. Tuy nhiên, tại biên bản hỏi cung bị can tại Cơ quan điều tra (bút lục 431) bị cáo H khai rằng *“Khi Công an đến bắt quả tang tôi còn khoảng 300.000đ trên chiếu bạc, khi thấy Công an đến thì bị cáo đã bỏ lại số tiền này và chạy thoát”*. Bị cáo H cũng xác định số tiền trên chiếu bạc khi bị Công an bắt quả tang là 9.100.000đ. Mặt khác, bị cáo H không có chứng cứ gì chứng minh hay khiêu nại gì về quá trình điều tra của Cơ quan công an. Đồng thời, lời khai trên của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Nên có thể khẳng định vào ngày 29/5/2017 bị cáo H có tham gia đánh bạc dưới hình thức “Xóc đĩa” tại sòng bạc do bị cáo Nguyễn Văn M tổ chức. Căn cứ vào điểm a, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 của Bộ luật hình sự thì: “Trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau thì việc xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc đối với từng người đánh bạc là tổng số tiền, giá trị hiện vật của những người cùng đánh bạc được hướng dẫn tại khoản 3 Điều này”. Như vậy, số tiền mà bị cáo Phạm Văn H dùng đánh bạc được xác định là số tiền trên chiếu bạc tại thời điểm bị bắt quả tang vào ngày 29/5/2017 là 9.100.000đ (từ bút lục 50 đến bút lục 53), nên trong trường hợp này đã đủ điều kiện để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H về hành vi “Đánh bạc” xảy ra ngày 29/5/2017 tại rẫy cà phê của ông Vũ Xuân L1 ở T3, xã TH, huyện BD. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HSST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn về tội danh, hình phạt chính và hình

phạt bổ sung. Tuy nhiên, có điều chỉnh về điểm, khoản của Điều 46 BLHS về tình tiết giảm nhẹ cho đúng.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên các bị cáo Nguyễn Văn M, Trịnh Trọng Đ, Bùi Thế M3 và Phạm Văn H phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M, Trịnh Trọng Đ, Bùi Thế M3 và Phạm Văn H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 09/2018/HSST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân huyện Buôn Đôn về phần tội danh, hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

Tuyên bố bị các bị cáo Nguyễn Văn M và Trịnh Trọng Đ phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Bùi Thế M3, Huỳnh Quang H2 và Phạm Văn H, phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm c, khoản 2 khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự 1999; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Trịnh Trọng Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2017 đến ngày 11/9/2017.

Phạt bổ sung: 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự 1999; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 20/7/2017 đến ngày 21/8/2017.

Phạt bổ sung: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Bùi Thế M3 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 24/6/2017 đến ngày 21/8/2017.

Phạt bổ sung: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Phạt bổ sung: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 30; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quang H2 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn M, Trịnh Trọng Đ, Bùi Thế M3 và Phạm Văn H (Mỗi bị cáo) phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện BD;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết